TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim Đ, sinh năm 2001; cư trú tại: Xóm A, thôn B, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung P, sinh năm 1997; cư trú tại: Xóm A, thôn B, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim Đ (sau đây viết tắt là chị Đ) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung P (sau đây viết tắt là anh P) tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 11/10/2019.

Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên có những lời nói xúc phạm lẫn nhau. Từ cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Giữa chị và anh P có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phúc V, sinh ngày 17/01/2019 (sau đây viết tắt là cháu V), hiện nay chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vinh và yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo P luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh P; giao con chung là cháu V cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng,

buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; các đương sự không tranh chấp về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của P luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là chị Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh P vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của chị Đ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Đ và anh P xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị Đ và anh P là hợp pháp.

[2.2] Chị Đ cho rằng sau khi kết hôn thì giữa chị và anh P bất đồng quan điểm, lối sống nên thường xuyên có những lời nói xúc phạm nhau, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau; mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh chị không thể đoàn tụ được.

Anh P không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị Đ đã nêu về nguyên nhân và quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị Đ đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh P không trình bày ý kiến cũng như không tham gia hòa giải, điều này thể hiện anh P không quan tâm và không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu

thuẫn giữa chị Đ và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[2.3] Chị Đ và anh P có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phúc V, sinh ngày 17/01/2019. Xét thấy, cháu Vinh đang được chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo và phát triển tốt. Do đó, để ổn định việc sinh hoạt, học tập, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu V và căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vinh cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này, chị Đ có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng thực tế của anh P và nhu cầu thiết yếu của cháu Vinh.

[2.5] Chị Đ và anh P không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết các vấn đề này trong vụ án.

[3] Chị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và anh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 150, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị Kim Đ được ly hôn anh Nguyễn Trung P.

2. Giao cháu Nguyễn Phúc V, sinh ngày 17/01/2019 cho chị Lê Thị Kim Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Trung P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để chị Lê Thị Kim Đ thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Buộc anh Nguyễn Trung P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Phúc V mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 16/7/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Phúc V đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Buộc chị Lê Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền chị Lê Thị Kim Đ đã nộp tạm ứng, theo biên lai thu số 0001493, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Buộc anh Nguyễn Trung P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đô

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Thìn **Phạm Thị Lan** **Nguyễn Văn Đô**